UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 146 /GPMT-STNMT	*Bình Dương, ngày 18 tháng 12 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước số 205/MPH-HCQT ngày 14 tháng 11 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 4214/TTr-CCBVMT ngày 16 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước, địa chỉ tại đường TC3, tổ 6, khu phố 3, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện Đa khoa Mỹ Phước tại đường TC3, tổ 6, khu phố 3, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa Mỹ Phước.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường TC3, tổ 6, khu phố 3, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700696042 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 06 tháng 06 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 04 tháng 5 năm2023.

1.4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3391/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2929/GXN-STNMT ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.5. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 96/BYT-GPHĐ ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế;

1.6. Mã số thuế: 3700696042

1.7. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh.

1.8. Phạm vi, quy mô, công suất:

1.8.1. Phạm vi: Tổng diện tích đất của bệnh viện là 73.936,5m^2.

1.8.2. Quy mô:

- Bệnh viện có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.

- Bệnh viện có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.8.3. Công suất: 489 giường bệnh.

- Quy trình khám bệnh, chữa bệnh:

+ Không có thẻ BHYT: Lấy số thứ tự => Đăng ký và đóng phí khám bệnh => Gặp bác sĩ khám bệnh => Đóng phí làm các chỉ định cận lâm sàng => Thực hiện cận lâm sàng => Bác sĩ tư vấn kết quả khám và ra y lệnh => Kê toa/Nhập viện/Chuyển viện => Thanh toán => Mua thuốc dịch vụ (nếu có) => Kết thúc quy trình.

+ Có thẻ BHYT: Lấy số thứ tự => Đăng ký và đóng phí khám bệnh => Gặp bác sĩ khám bệnh => Đóng phí làm các chỉ định cận lâm sàng => Thực hiện cận lâm sàng => Bác sĩ tư vấn kết quả khám và ra y lệnh => Kê toa/Nhập viện/Chuyển viện => Thanh toán => Nhận thuốc tại nhà thuốc BHYT và mua thuốc dịch vụ (nếu có) => Kết thúc quy trình.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và đạt tiêu chuẩn đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải không được xử lý đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường..

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày ...*18* tháng *12*.. năm 2024 đến ngày ….*17*. tháng *12*.. .năm 2034).

Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 3391/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương và Giấy phép môi trường thành phầm gồm: Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2929/GXN-STNMT ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Bệnh viện Đa khoa Mỹ Phước, quy mô 489 giường (tại đường TC3, tổ 6, khu phố 3, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương) của Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước;
- Sở Y tế tỉnh Bình Dương;
- UBND thành phố Bến Cát;
- UBND phường Mỹ Phước;
- Thanh tra Sở;
- Cổng Thông tin điện tử của Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, Nga5.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 146 /GPMT-STNMT ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải y tế từ hoạt động khám, chữa bệnh với lưu lượng 88 m^3/ngày được thu gom bằng đường ống uPVC D34-140mm và khử trùng bằng dung dịch chlorine tại hố gom nước thải y tế dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước rửa từ các lavabo ở toà nhà chính với lưu lượng 371 m^3/ngày được thu gom bằng đường ống uPVC D200mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước rửa từ các lavabo ở khu ngoại trú với lưu lượng 20 m^3/ngày được thu gom bằng đường ống HDPE D250mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải căn tin sau bể tách mỡ với lưu lượng 6 m^3/ngày được thu gom bằng đường ống uPVC D168mm và đấu nối vào đường ống thoát nước thải sinh hoạt dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình vệ sinh khu lưu chứa chất thải rắn với lưu lượng 0,5 m^3/ngày được thu gom bằng đường ống uPVC D114 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn số 06: Nước thải nhà giặt với lưu lượng 24,5 m^3/ngày được thu gom bằng đường ống uPVC D114mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nguồn số 07: Nước thải từ các phòng xét nghiệm với lưu lượng 10 m^3/ngày được thu gom bằng đường ống uPVC D34-140mm và khử trùng bằng dung dịch chlorine tại hố gom nước thải y tế dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải => Hố thu gom => Bể điều hòa => Bể xử lý sinh học thiếu khí (Anoxic) => Bể xử lý sinh học hiếu khí (Aerotank) => Bể lắng => Bể khử trùng => Đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Mỹ Phước 2.

- Công suất thiết kế: 640 m^3/ngày (24 giờ).

- Chế độ vận hành: liên tục (24 giờ/ngày).

- Hóa chất sử dụng: Chlorine (khối lượng 5kg/ngày).

- Số điểm đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Mỹ Phước 2 là 01 điểm trên đường DB4 có tọa độ X= 1232178; Y=593283.

(Theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Quy trình ứng phó sự cố: Đối với công trình xử lý nước thải bị sự cố cần thời gian khắc phục: Quy trình ứng phó sự cố trong trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi đấu nối, nước thải sẽ được bơm về lại bể anoxic, bể aerotank, bể lắng, bể khử trùng, bể chứa bùn (tổng thể tích an toàn của các bể này khoảng 195,3m3) để lưu giữ tạm thời. Sau đó, thông báo ngay cho Chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Mỹ Phước 2 về tình trạng sự cố, bao gồm loại sự cố, lượng nước thải cần xử lý, và thời gian hỗ trợ dự kiến. Chủ đầu tư thỏa thuận và phối hợp

Chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Mỹ Phước 2 để tiếp nhận và xử lý tại hệ thống tập trung của Khu công nghiệp. Ngoài ra, Công ty ký hợp đồng nguyên tắc với các cơ sở xử lý chất thải có chức năng phù hợp để xử lý nước thải nếu như sự cố chưa được Khu công nghiệp Mỹ Phước 2 tiếp nhận và khắc phục kịp thời. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý theo quy trình đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và tiêu chuẩn đấu nối cho phép trước khi đấu nối vào hạ tầng thu gom nước thải của Khu công nghiệp Mỹ Phước 2.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý đề phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó phải báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2929/GXN-STNMT ngày 03 tháng 09 năm 2015).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của Chủ đầu tư Khu công nghiệp Mỹ Phước 2 và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận giữa Chủ sơ sở và Chủ đầu tư Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Mỹ Phước 2 để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư Khu công nghiệp Mỹ Phước 2 và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Thỏa thuận bằng văn bản với Chủ đầu tư Khu công nghiệp Mỹ Phước 2 về việc đấu nối nước thải sau xử lý của cơ sở về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Mỹ Phước 2 đảm bảo không vượt quá điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Mỹ Phước 2.

3.5. Trường hợp giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Mỹ Phước 2 không cho phép thu gom nước thải sau xử lý của Bệnh viện Mỹ Phước thì Công ty phải đầu tư bổ sung công trình xử lý nước thải, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế QCVN 28:2010/BTNMT, cột A; K = 1,0), thải ra nguồn tiếp nhận theo quy định. Đồng thời, Công ty phải lập hồ sơ đề xuất cấp lại giấy phép môi trường cho Bệnh viện Mỹ Phước và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 146 /GPMT-STNMT ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải (mùi hôi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (hố thu gom, bể tách dầu, bể điều hòa, bể Anoxic), lưu lượng 1.700m^3/giờ.

- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng đốt bằng dầu DO, công suất 2.200kVA, lưu lượng 10.000 m^3/giờ

- Nguồn số 03: Khí thải từ máy phát điện dự phòng đốt bằng dầu DO, công suất 550kVA, lưu lượng 2.500 m^3/giờ

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Ống thoát khí thải (mùi hôi) sau xử lý. Tọa độ X(m) = 1232201, Y(m) = 593291

- Dòng khí thải số 02: Ống thoát khí thải máy phát điện dự phòng số 01. Tọa độ X (m) = 1232355; Y (m) = 593281

- Dòng khí thải số 03: Ống thoát khí thải máy phát điện dự phòng số 02. Tọa độ X (m) = 1232356; Y (m) = 593278

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả thải tối đa 1.700 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả thải tối đa 10.000 m^3/giờ

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả thải tối đa 2.500 m^3/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Liên tục (24 giờ/ngày).

- Dòng khí thải số 02: khi máy phát điện hoạt động

- Dòng khí thải số 03: khi máy phát điện hoạt động

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT *(cột B, K_p = 1,0, K_v= 0,8)* – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Dòng khí thải số 01					
1	Lưu lượng	m^3/giờ	1.700	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH_3	mg/Nm^3	40		
3	H_2S	mg/Nm^3	6		
4	CH_3SH	mg/Nm^3	15		
Dòng khí thải số 02 và 03					
1	Lưu lượng dòng 02	m^3/giờ	10.000	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Lưu lượng dòng 03	m^3/giờ	2.500		
3	Bụi tổng	mg/Nm^3	160		
4	CO	mg/Nm^3	800		
5	SO_2	mg/Nm^3	400		
6	NO_x	mg/Nm^3	680		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải để đưa về công trình xử lý:

- Nguồn khí thải số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải (hố thu gom, bể tách dầu, bể điều hòa, bể Anoxic) được thu gom bằng quạt hút công suất 1.700 m^3/giờ theo đường ống D220mm vào hệ thống xử lý, sau đó thải ra môi trường qua ống thải cao 7,4m, đường kính 220mm.

- Nguồn khí thải số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng số 01 được thu gom và phát tán qua ống thải cao 3m, đường kính 0,5m.

- Nguồn khí thải số 03: Khí thải từ máy phát điện dự phòng số 01 được thu gom và phát tán qua ống thải cao 3m, đường kính 0,4m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải (mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải): Khí thải (mùi hôi) => Quạt hút (lưu lượng 1.700m^3/giờ) => Thiết bị hấp phụ (than hoạt tính) => Ống phát thải (Đường kính 220mm, chiều cao 7,4m).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, khối lượng 1.000 kg/năm, tần suất

thay 1,5 tháng/lần.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, nếu khí thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Công ty phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra; có nhật ký vận hành công trình xử lý khí thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng… để kịp thời nhận biết các sự cố.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của công trình. Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của công trình xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc công trình xử lý khí thải bảo đảm công trình hoạt động ổn định.

- Trường hợp công trình xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố và có kết quả phân tích khí thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường sẽ hoạt động trở lại, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm là 02 tháng (Bắt đầu sau 30 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải (mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải) công suất 1.700 m^3/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: X(m) = 1232201; Y(m) = 593291 *(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0).*

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung Mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải *(mùi hôi)* phát sinh từ công trình xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp *(Giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải)*.

- Loại mẫu: Mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần *(đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải).*

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2. Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải; phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời gian 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 146 /GPMT-STNMT ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy móc, thiết bị khu vực trạm xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng số 01, công suất 2.200 kVA.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng số 02, công suất 550 kVA.
- Nguồn số 04: Máy giặt khu vực giặt đồ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: tọa độ: X (m) = 1232207; Y (m) = 593292.
- Nguồn số 02: tọa độ: X (m) = 1232355; Y (m) = 593281.
- Nguồn số 03: tọa độ: X (m) = 1232356; Y (m) = 593278.
- Nguồn số 04: tọa độ: X (m) = 1232358; Y (m) = 593330.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105º45' múi chiếu 3º).

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	*Khu vực đặc biệt*

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	-	*Khu vực đặc biệt*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định; máy phát điện dự phòng, máy thổi khí được kê bằng tấm đệm cao su để giảm tiếng ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực bệnh viện để hạn chế tiếng ồn và điều hòa không khí trong khu vực bệnh viện.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo *(nếu có)*.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác *(nếu có)*.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 146 /GPMT-STNMT ngày18 tháng12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Than hoạt tính	Rắn	NH	12 01 04	1.000
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	KS	12 06 05	15.000
3	Chất thải lây nhiễm, bao gồm: (kim tiêm, bông băng, dịch dẫn, dụng cụ phẫu thuật thải, mẫu bệnh phẩm, chất thải từ quá trình giải phẫu, chất thải sinh hoạt từ các giường bệnh có khả năng lây nhiễm…)	Rắn/lỏng	NH	13 01 01	96.490
4	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	KS	13 01 02	1.280
5	Dược phẩm gây độc tế bào thải	Rắn	NH	13 01 03	3.200
6	Chất hàn răng almagam thải	Rắn	NH	13 01 04	64
7	Bóng đèn huỳnh quang thải bỏ	Rắn	NH	16 01 06	1.280
8	Pin, ắc quy thải bỏ	Rắn	NH	16 01 12	320
9	Dầu nhớt thải	Lỏng	NH	17 02 04	320
10	Bao bì kim loại cứng thải (bao bì đựng hóa chất, thùng đựng dầu nhớt)	Rắn	KS	18 01 02	4.380
11	Chai lọ đựng hóa chất bằng nhựa	Rắn	KS	18 01 03	9.000
12	Giẻ lau dính nhớt, hóa chất	Rắn	KS	18 02 01	640
13	Hóa chất phòng xét nghiệm	Rắn/Lỏng	KS	19 05 02	1.920
	TỔNG KHỐI LƯỢNG				**134.894**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	Rắn	20.000
2	Chai lọ nhựa không dính hóa chất nguy hại	18 01 06	Rắn	13.500
TỔNG KHỐI LƯỢNG				**33.500**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 466.105 kg/năm, tương đương khoảng 1.277 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường và chất thải rắn sinh hoạt:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải nguy hại tại bệnh viện được phân loại thành 2 nhóm chính: chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm, và được lưu giữ như sau:

- Chất thải lây nhiễm:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: Được bỏ vào thùng hoặc hộp kháng thủng, có màu vàng.

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn, chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao và chất thải giải phẫu: Được chứa vào thùng có lót túi, có màu vàng.

+ Chất thải lây nhiễm dạng lỏng: Được chứa trong thùng có nắp đậy kín.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm:

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn: Được chứa trong thùng có lót túi và có màu đen.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng: Được chứa trong thùng có nắp đậy kín, có mã, tên loại chất thải lưu chứa.

- Các chất thải này được lưu trữ trong các thùng chứa phù hợp như thùng 8 lít, 10 lít, 25 lít, hoặc hộp đựng kim tiêm từ 1,5 lít đến 5 lít, tất cả đều có nắp đậy kín, dán nhãn và mã chất thải nguy hại để phân loại rõ ràng.

- Định kỳ hàng ngày vận chuyển đến kho lưu chứa và lưu chứa trong các thùng chứa loại 240 lít có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại tại kho.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Khu vực lưu trữ chất thải của bệnh viện được bố trí 2 kho với tổng diện tích là

44,5m^2 gồm:

+ Kho chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm: diện tích 17m^2

+ Kho chứa chất thải nguy hại lây nhiễm: diện tích 27,5m^2

- Thiết kế, cấu tạo của mỗi kho: Vách gạch bao xung quanh, chia làm 02 phòng, 01 phòng chứa chất thải nguy hại lây nhiễm (có máy lạnh) và 01 phòng chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm. Nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thẩm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ *(như cát khô);* kho chứa chất thải nguy hại lây nhiễm có trang bị máy lạnh điều hòa công suất 1,5HP.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị các thùng chứa loại 25 lít, 60 lít có nắp đậy kín, dán nhãn để lưu chứa từng loại chất thải thông thường tại các khu, phòng khám, điều trị bệnh nhân.

- Định kỳ hàng ngày vận chuyển đến kho lưu chứa và lưu chứa trong các thùng chứa loại 240 lít có nắp đậy, dán nhãn để lưu chứa từng loại chất thải rắn thông thường.

2.2.2 Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải: 23m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách gạch bao xung quanh, nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thẩm thấu, có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị các thùng chứa chất thải loại 25 lít, 60 lít tại khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc, nhà bảo vệ, phòng khám, phòng bệnh,...

- Định kỳ hàng ngày vận chuyển đến kho lưu chứa và lưu chứa trong các thùng chứa loại 240 lít có nắp đậy.

2.3.2 Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải: 27m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách gạch bao xung quanh, nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thẩm thấu, có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Bến Cát và Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Bến Cát để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 146 /GPMT-STNMT ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học phải thực hiện.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 3391/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Dương và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2929/GXN-STNMT ngày 03 tháng 9 năm 2015.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải y tế theo đúng quy định của pháp

luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

7. Luôn thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố về môi trường xảy ra do triển khai và vận hành dự án.

10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật./.